TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 43/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2022; Về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Lệ H, sinh năm 1985. Địa chỉ: 170 đường T, phường T, thành phố Huế.

Bị đơn: Anh Lê Đình Vĩnh P, sinh năm 1985. Địa chỉ: 65 Kiệt 177 đường T, phường A, thành phố Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hoàng Lệ H đều trình bày:

Chị và anh Lê Đình Vĩnh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Huế vào ngày 08/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng vài ngày trong những năm đầu tiên, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi vả nhau về vấn đề kinh tế, anh P không đưa tiền về phụ giúp gia đình. Ngoài ra anh P còn là người hay nhậu nhẹt, về nhà đánh đập chị và có dấu hiệu ngoại tình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 6/2021, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H khai chị và anh P có 03 con chung là Lê Đình Vinh H, sinh ngày 03/3/2012, Lê Đình Nhật A, sinh ngày 06/01/2016 và Lê Hoàng Ngọc K, sinh ngày 07/10/2018. Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Ngọc K và giao hai cháu Lê Đình Vinh H, Lê Đình Nhật A cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh P không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2022, bị đơn anh Lê Đình Vĩnh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì chị H khai như vậy là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hay xảy ra xung đột trong gia đình. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn thì anh thuận tình ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Đình Vinh H và cháu Lê Đình Nhật A; anh P đồng ý giao cháu Lê Hoàng Ngọc K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị Hà và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P trình bày ý kiến muốn tự thỏa thuận với chị Hà.

Về nợ chung: Anh P trình bày anh và chị H không có nợ chung nhưng do có một số vướng mắc chưa giải quyết được nên anh sẽ đến Tòa án để trình bày sau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Đình Vĩnh P không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, anh P vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2022, cháu Lê Đình Vinh H (con trai anh P chị H) trình bày: Nếu ba mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với ba.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2022, bà Văn Thị C (mẹ của chị Hoàng Lê H) trình bày: Qúa trình vợ chồng chị H anh P chung sống với nhau ngay từ đầu đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P có dấu hiệu ngoại tình, thường xuyên cãi vã và bạo lực gia đình. Chị H đem con về nhà bà để ở từ tháng 6/2021 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh Phúc thì bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022, bà Đặng Thị Tường V (mẹ của anh Lê Đình Vĩnh P) trình bày: Qúa trình vợ chồng chị H anh P chung sống với nhau ngay từ đầu đã không có hạnh phúc nhưng mâu thuẫn vì lý do gì thì bà không tiện nói ra vì bà không muốn lời khai của mình làm ảnh hưởng đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh P thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Lê Đình Vĩnh P.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chưa thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Hoàng Lệ H. Cho chị H được ly hôn với anh Lê Đình Vĩnh P.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Ngọc K, sinh ngày 07/10/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao hai cháu Lê Đình Vinh H, sinh ngày 03/3/2012 và Lê Đình Nhật A, sinh ngày 06/01/2016 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H anh P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Buộc chị Hoàng Lê H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Lệ H khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lê Đình Vĩnh P. Anh P có nơi cư trú: Số 65 Kiệt 177 đường T, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Đình Vĩnh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình Vĩnh P và chị Hoàng Lệ H có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Kim Long, thành phố Huế vào ngày 08/9/2011 (số 81, năm 2011). Như vậy, hôn nhân giữa anh P và chị H là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Lệ H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chị H và anh P chung sống với nhau hạnh phúc chỉ được một thời gian rất ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, xúc phạm nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021, không quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh P đồng ý ly hôn với chị H, đồng thời vắng mặt trong phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc, không muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh P. Nhận thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa chị H và anh P không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H được ly hôn với anh P.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh P có 03 con chung là Lê Đình Vinh H, sinh ngày 03/3/2012, Lê Đình Nhật A, sinh ngày 06/01/2016 và Lê Hoàng Ngọc K, sinh ngày 07/10/2018, hiện cháu K đang ở với chị H, cháu H và cháu A đang ở với anh P.

Xét yêu cầu của chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và giao hai cháu H, A cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh P, cháu H, không làm xáo trộn, thay đổi việc các cháu hiện nay đang trực tiếp chung sống với anh P chị H. Do đó, cần giao cháu Lê Hoàng Ngọc K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, giao hai cháu Lê Đình Vinh H và Lê Đình Nhật A cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị H và anh P không có yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H và anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P không trình bày và không có yêu cầu cụ thể về việc giải quyết tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Pc không trình bày và không có yêu cầu cụ thể về việc giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Lệ H đối với anh Lê Đình Vĩnh P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Hoàng Lệ H được ly hôn anh Lê Đình Vĩnh P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Ngọc K, sinh ngày 07/10/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao hai cháu Lê Đình Vinh H, sinh ngày 03/3/2012 và Lê Đình Nhật A, sinh ngày 06/01/2016 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Chị H, anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003104 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dán.

Nguyễn Thị Huế